

Số: /GPMT-UBND Sơn La, ngày tháng năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 227/QĐ-UBND ngày 10/02/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Đề án cải tạo, phục hồi môi trường của dự án khai thác và chế biến đá phiến sét làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực Thác Vai bản Mòn, xã Tạ Bú, huyện Mường La, tỉnh Sơn La;

Xét Văn bản số 16/CV ngày 13/12/2024 và Công văn số 21.4/CV ngày 21/4/2025 của Công ty TNHH một thành viên Hữu Hảo Tây Bắc về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường và tiếp thu chỉnh sửa bổ sung giải trình nội dung Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở Khai thác và chế biến đá phiến sét làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực Thác Vai, bản Mòn, xã Tạ Bú, huyện Mường La, tỉnh Sơn La và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 308/TTr-STNMT ngày 25/4/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH một thành viên Hữu Hảo Tây Bắc (địa chỉ tại thôn Văn Minh, xã Mường Bú, huyện Mường La, tỉnh Sơn La) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Khai thác và chế biến đá phiến sét làm

vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực Thác Vai với những nội dung sau:

1. Thông tin chung của chủ cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Khai thác và chế biến đá phiến sét làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực Thác Vai.

1.2. Địa điểm hoạt động: Bản Mòn, xã Tạ Bú, huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

1.3. Giấy đăng ký doanh nghiệp số 5500264507, đăng ký lần đầu ngày 21/4/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 28/9/2023 do sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) tỉnh Sơn La cấp.

1.4. Mã số thuế: 5500264507.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khai thác, chế biến đá.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Diện tích: 4,0ha, cụ thể: diện tích khu vực khai thác 1,5ha; diện tích khu vực phụ trợ 2,5ha (trong đó: nhà điều hành, nhà xưởng 0,05ha; bãi thải và đường nội bộ 0,25ha; vùng đệm 2,2ha).

- Nhóm dự án: Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Công suất hoạt động (khai thác): 15.385m³ đá nguyên khối/năm. Quy trình công nghệ sản xuất: Đá tại mỏ được khai thác chủ yếu bằng cách sử dụng máy xúc, búa thủy lực cạy bẫy, tại những vị trí đá chất lượng kém sẽ kết hợp khoan nổ mìn lỗ khoan nhỏ. Đá sau khi khai thác được nê, chở, cắt thành các tấm đá phiến.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH một thành viên Hữu Hảo Tây Bắc

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH một thành viên Hữu Hảo Tây Bắc có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành

các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: Đến ngày 24/02/2028 (theo thời hạn của Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) số 1712/GP-UBND ngày 06/9/2023 của UBND tỉnh Sơn La).

Điều 4. Sở Nông nghiệp và Môi trường

1. Tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo đúng quy định của pháp luật.

2. Chịu trách nhiệm toàn diện về số liệu, quy trình cấp Giấy phép môi trường tại Quyết định này; chịu trách nhiệm toàn diện về các kết luận của các cơ quan có thẩm quyền khi thực hiện thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan pháp luật của Nhà nước; đồng thời chủ động chỉ đạo thanh tra, kiểm tra, nếu phát hiện có sai phạm thì kịp thời báo cáo UBND tỉnh để xem xét quyết định./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở: NN&MT, XD, CT, TC;
- UBND huyện Mường La;
- Trung tâm thông tin tỉnh (để công bố);
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh;
- Công ty TNHH MTV Hữu Hào Tây Bắc;
- Lưu: VT, Hiệu KT.20b.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Ngọc Hậu

Phụ lục số 01**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**1. Nguồn phát sinh nước thải**

Nguồn số 01: Nước thải công nghiệp từ nước mưa tự nhiên chảy tràn qua khu vực cơ sở (khai trường khai thác và khu vực phụ trợ).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải**2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải**

Dòng thải số 01 (tương ứng với nguồn số 01): Suối Nậm Bú tại bản Mòn, xã Tạ Bú, huyện Mường La, tỉnh Sơn La (lòng hồ thủy điện Nậm Bú).

2.2. Vị trí xả nước thải

- Dòng thải số 01 (tương ứng với nguồn số 01): Suối Nậm Bú tại bản Mòn, xã Tạ Bú, huyện Mường La, tỉnh Sơn La (lòng hồ thủy điện Nậm Bú).

- Vị trí tọa độ: X(m) = 2.370.949,69; Y(m) = 504.082,67 (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 104°00', múi chiều 3°).

- Điểm xả thải có tọa độ, biển báo thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 407,5 m³/ngày đêm.**2.3.1. Phương thức xả nước thải**

- Nước thải công nghiệp từ nước mưa tự nhiên chảy tràn qua khu vực theo rãnh thoát nước, thu về hồ lắng sau đó xả ra suối Nậm Bú tại bản Mòn, xã Tạ Bú, huyện Mường La, tỉnh Sơn La (lòng hồ thủy điện Nậm Bú)

- Hình thức xả thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả gián đoạn (khi có mưa).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp ($K_q = 0,6$; $K_f = 1,1$), cụ thể:

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT - Cột B - C _{max}	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5,5 - 9	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Màu	Pt/Co	99		
3	BOD ₅ (20°C)	mg/L	33		

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT - Cột B - C _{max}	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
4	Chất rắn lơ lửng	mg/L	66		
5	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	6,6		
6	Coliform	MPN/100ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Phát sinh khu nhà vệ sinh được thu về bể tự hoại 3 ngăn (*thể tích 6m³ được xây ngầm*) để xử lý, nước sau bể tự hoại tự chảy sang bồn khử trùng (*thể tích 0,26m³*) bằng đường ống PVC110 với chiều dài 5m. Nước sau bể khử trùng tự chảy theo đường ống PVC75 (*dài 3m*) sang thùng phuy (*dung tích 220 lít*) để tái sử dụng đập bụi trong cơ sở; Nước rửa tay chân được thu gom lọc tách rác và lưu chứa vào phuy (*dung tích 220 lít*) tái sử dụng đập bụi trong cơ sở. Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở không xả thải ra môi trường.

- Nước thải công nghiệp phát sinh từ quá trình cắt đá: Nước thải phát sinh theo rãnh thoát nước dài 15m (*kích thước rộng×sâu = 0,2m×0,1m*) thu gom về bể lắng tuần hoàn thể tích 15m³ (*bể lắng tuần hoàn được đổ bê tông cốt thép chống thấm có 02 ngăn, 01 ngăn có thể tích 10m³; 01 ngăn lắng thể tích 5m³*). Toàn bộ nước sau bể lắng được tái sử dụng cho hoạt động sản xuất (*cắt đá hoặc ngâm đá sau khi cắt*), không xả thải ra môi trường (*cơ sở bố trí 01 máy bơm công suất 1,5kW tại ngăn lắng thứ 2 của bể lắng tuần hoàn để bơm nước thải sau xử lý tái sử dụng*)

- Nguồn số 01: Nước thải công nghiệp từ nước mưa tự nhiên chảy tràn qua khu vực cơ sở (*khai trường khai thác và khu vực phụ trợ*). Mạng lưới thu gom nước trong cơ sở được thiết kế kiểu tự chảy, tận dụng địa hình tự nhiên. Do đặc tính đá phiến có tính thấm nước cao do đó một phần nước mưa tự thấm xuống mặt bằng, một phần sẽ chảy tràn trên bề mặt khu khai thác, khu vực bãi thải và khu vực phụ trợ được thu gom vào rãnh thu gom chung. Rãnh thu gom là rãnh đào (*kích thước rộng x sâu = 0,7m x 0,3m*) với chiều dài 19m. Toàn bộ nước được thu gom về hố lắng (*hố đào thể tích 72m³*) để lắng sau đó chảy ra suối Nậm Bú tại bản Mòn, xã Tạ Bú, huyện Mường La, tỉnh Sơn La (*lòng hồ thủy điện Nậm Bú*).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại 3 ngăn (*thể tích 6 m³*) → Bồn khử trùng (*thể tích 0,26 m³*) → thùng phuy (*dung tích 220 lít*) → tái sử dụng đập bụi trong cơ sở, không xả thải ra môi trường.

Hóa chất, vật liệu sử dụng: viên nén Clo, liều lượng sử dụng 2-2,5gx10 viên hoặc 20g x 01 viên cho 1m³ nước thải.

- Nước thải sản xuất từ xưởng cắt đá: Nước thải sản xuất → Bể lắng 02 ngăn (*tổng dung tích 15 m³*) → tái sử dụng cho hoạt động cắt chế đá không xả thải ra môi trường.

Hóa chất: PAC được pha với nước tạo thành dung dịch 5-10%, định mức sử dụng hóa chất PAC là 30g/1m³ nước thải.

- Nước thải phát sinh từ nước mưa tự nhiên chảy tràn qua → Rãnh thu gom → Hồ lắng (*dung tích 72 m³*) → Xả ra suối Nậm Bú (*lòng hồ thủy điện Nậm Bú*).
Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (*theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ*).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Xây dựng biện pháp ứng phó sự cố đối với nước thải trong các trường hợp hợp bão lũ gây tràn, lở hồ lắng, bể lắng nước thải sản xuất khu vực nhà xưởng; chất lượng nước thải đầu ra không đạt yêu cầu.

- Thường xuyên giám sát theo dõi hoạt động của các rãnh thoát nước, hồ lắng, bể lắng tuần hoàn nước thải tại nhà xưởng để có biện pháp khắc phục kịp thời; Định kỳ tần suất 01 tuần/lần vào mùa mưa, 01 tháng/lần vào mùa khô tiến hành kiểm tra, nạo vét, khơi thông, hạn chế việc bùn đất, đá xâm nhập vào rãnh thoát nước, hồ lắng gây tắc nghẽn, ứ đọng nước trong khu vực, giảm thiểu việc lưu chứa nước của hồ lắng. Kiểm tra thường xuyên tình trạng hoạt động của bể, máy bơm, nạo vét cặn lắng định kỳ tại bể lắng nước thải nhà xưởng.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Cơ sở không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Vận hành mạng lưới thoát nước mưa, đảm bảo yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở.

3.3. Không được phép xả nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp phát sinh từ quá trình cắt đá ra môi trường.

3.4. Công ty TNHH một thành viên Hữu Hảo Tây Bắc chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục số 02**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: Hoạt động của thiết bị tại khu vực khai thác.
- Nguồn số 02: Hoạt động nổ mìn tại khu vực khai thác.
- Nguồn số 03: Máy cắt đá tại xưởng chế biến cắt đá.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (là nguồn phân tán hoặc di động) trong khuôn viên cơ sở thuộc mỏ Khai thác và chế biến đá phiến sét làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực Thác Vai, bản Mòn, xã Tạ Bú, huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau

3.1. Tiếng ồn

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quy chuẩn áp dụng	Ghi chú
1	70	55	Không thuộc đối tượng	QCVN 26:2010/BTNMT	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Quy chuẩn áp dụng	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ			
1	70	60	Không thuộc đối tượng	QCVN 27:2010/BTNMT	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng các máy móc, thiết bị hoạt động tại mỏ đảm bảo động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Đối với các thiết bị có phát sinh

độ rung phải được kê các đệm chân đế máy để hạn chế độ rung; Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn để giảm thiểu độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung; Nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị phụ trợ (*khi xuống cấp*) có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định. Tuân thủ chặt chẽ các quy định, quy trình nổ mìn, sử dụng liều nổ hợp lý nhằm giảm thiểu tối đa tiếng ồn và rung chấn từ hoạt động nổ mìn.

Phụ lục số 03**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày / /2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phải kiểm soát phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng trung bình (kg/năm)
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	200
2	Dầu Diezen thải	17 06 01	10
3	Giẻ lau dầu mỡ	18 02 01	10
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	5
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa	180103	50
TỔNG KHỐI LƯỢNG			275

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

- Khối lượng đất bóc phủ: 3.099m³.
- Khối lượng đất đá thải: 3.846 m³ đất đá thải/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 5,5 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Chất thải nguy hại được lưu chứa trong các thùng chứa có nắp đậy, không rò rỉ, được dán mã chất thải nguy hại và biển cảnh báo theo quy định.

2.1.2. Khu vực lưu giữ: Khu vực lưu chứa diện tích 6m², đáp ứng yêu cầu theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Khối lượng đất bóc phủ 3.099m³: Lưu chứa tại chân tầng khai thác để phục vụ công tác cải tạo phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác.

- Khối lượng đất, đá thải phát sinh hàng năm khoảng 3.846 m³, cơ sở tiếp tục tận dụng (50%) tương đương khoảng 1.923m³ để bán cho các đơn vị xây dựng, các

nhà vườn và các hộ gia đình xây dựng nhà ở dân dụng làm đá lát sân vườn, tiểu cảnh, làm các sản phẩm đá ốp kích cỡ nhỏ, đá ốp lát rỗng, còn lại 50% tương đương 1.923 m³/năm lưu chứa tại khu vực bãi thải. Yêu cầu Công ty TNHH một thành viên Hữu Hảo Tây Bắc tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về khoáng sản, thuế và các quy định có liên quan trong quá trình tái sử dụng đất đá thải.

Cơ sở bố trí 01 bãi thải để lưu chứa đất đá thải phát sinh, thông số bãi thải như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Bãi thải (<i>nằm trong khu vực phụ trợ</i>)	Chi chú
1	Diện tích đổ thải	ha	0,25	Bao gồm đường nội bộ
2	Cao trình kết thúc đổ thải	m	+173	
3	Chiều dài kè bãi thải	m	84	
4	Chiều cao kè bãi thải đã hoàn thành xây dựng	m	4	04 tầng rọ đá
5	Chiều cao kè bãi thải tiếp tục thực hiện trong giai đoạn khai thác	m	6	06 tầng rọ đá (<i>loại 1mx1,5mx1m và loại 1mx1mx1m</i>)
6	Dung tích đổ thải	m ³	9.504	

Yêu cầu Công ty TNHH một thành viên Hữu Hảo Tây Bắc tuân thủ thực hiện đổ thải theo đúng hộ chiếu thiết kế. Áp dụng các biện pháp kỹ thuật và quản lý phù hợp để đảm bảo an toàn trong quá trình đổ thải tại bãi thải, đáp ứng theo hộ chiếu đổ thải, các yêu cầu về an toàn lao động, vệ sinh môi trường và các quy định khác của pháp luật hiện hành. Quá trình đổ thải phải tiến hành lu nèn các tầng thải, tiến hành xây dựng kè chắn bãi thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố tại bãi thải như sạt lở, đổ kè chắn kè bãi thải, ... gây ảnh hưởng đến tài sản, con người, Chủ dự án chịu trách nhiệm bồi thường theo đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình đổ thải, tiến hành đổ thải theo đúng quy trình, không được để đất đá thải tràn ra ngoài phạm vi bãi thải và khu vực cơ sở.

2.3. Hệ thống công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Bố trí 03 thùng rác (*dung tích 10 lít/thùng*) để phân loại chất thải rắn sinh hoạt và thu gom chất thải.

- Chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái sử dụng, tái chế được lưu giữ để tái sử dụng hoặc bán phế liệu; chất thải thực phẩm được công nhân tận dụng làm thức ăn cho gia súc gia cầm. Đối với chất thải rắn sinh hoạt còn lại được vận chuyển đến khu vực thu gom của địa phương để xử lý.

- Yêu cầu Công ty TNHH một thành viên Hữu Hảo Tây Bắc thực hiện đầy đủ việc đóng phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải rắn công nghiệp thông thường: Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải rắn công nghiệp thông thường phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại các Điều 122, 124, 125 và 126 của Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với Kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 của Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Bồi thường, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình vận hành của cơ sở theo quy định của pháp luật hiện hành.

Phụ lục số 04**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày / /2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**1. Cải tạo, phục hồi môi trường**

Tổng diện tích thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường: 4.0ha, trong đó:

+ Khu vực khai trường khai thác: 1,5ha.

+ Khu vực phụ trợ: 2,5ha.

2. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường

Phương án: ***“Khu vực khai trường kết thúc khai thác đáy mỏ san gạt đất, đá thải bề dày 6,0m, bổ sung đất bóc phủ bề dày 1,0m, trồng keo lá tràm; bờ mỏ đưa về trạng thái an toàn, trên mặt tầng bổ sung đất bóc phủ bề dày 10cm, trồng cây (gieo cỏ Ghine). Khu vực phụ trợ tháo dỡ các công trình, san gạt đất bóc phủ với bề dày 0,473m, trồng cây keo lá tràm, khu vực vùng đệm giữ nguyên”.***

a) Khu vực khai trường khai thác: Diện tích 15.032,3m² (1,5ha) trong đó: đáy mỏ có cao độ +162 với diện tích 1.223m² và khu vực sườn tầng (bờ mỏ) diện tích 13.809,3m². Khu vực sườn tầng sau khi kết thúc khai thác hình thành các mặt tầng bằng phẳng với tổng diện tích 4.413m², còn lại sườn tầng và đai bảo vệ diện tích 9.396,3m².

- Khu vực sườn tầng (bờ mỏ)

+ Sườn tầng (bờ mỏ) diện tích 9.396,3m²: Rà soát cạy bỏ các tảng đá đã mất chân trong quá trình khai thác đưa về trạng thái an toàn, để cây cối, cỏ mọc tự nhiên, lập biển báo cảnh báo nguy hiểm xung quanh.

+ Kết thúc khai thác mỏ để lại các mặt tầng với tổng diện tích là 4.413m², bổ sung đất mặt bóc phủ với bề dày 10cm tương đương 411,3m³, sau đó gieo hạt trồng cỏ Ghinê (mật độ 10kg hạt/ha).

+ Lập biển báo (04 biển) xung quanh moong khai thác.

- Tuyến đường công vụ đi lên mỏ giữ nguyên để phục vụ trong quá trình cải tạo, kiểm tra chăm sóc công trình. Kết thúc cải tạo vẫn giữ nguyên tuyến đường công vụ đi lên mỏ nằm trong khu vực khai thác để đi lại.

- Phần đáy mỏ

+ Kết thúc khai thác đáy mỏ có cos cao độ +162m với diện tích 1.223m² tương đối bằng phẳng; sử dụng đất đá thải tại bãi thải (khối lượng 7.338m³) để cải tạo, nâng cao mặt bằng lên 6m đạt cao độ +168m và sử dụng đất phủ (khối lượng

1.223m³) nâng cao mặt bằng thêm 01m phục vụ công tác trồng cây. Cos đáy mỏ sau khi cải tạo là +169m.

+ Tạo độ dốc để định hướng thoát nước mưa chảy tràn, đào hố kích thước 0,3x0,3x0,3m trồng cây Keo lá tràm trên toàn bộ diện tích đáy mỏ với mật độ 6m²/cây (*tương đương khoảng 1.660 cây/ha*). Trồng và chăm sóc cây trong thời gian 3 năm.

b) Khu vực phụ trợ (*bao gồm khu nhà điều hành, nhà xưởng, bãi thải và đường nội bộ*): 0,3ha (3.008,3m²) thực hiện các nội dung sau:

- Tháo dỡ toàn bộ các hạng mục công trình: Nhà điều hành, cụm kho xưởng, khu vệ sinh, kho chất thải nguy hại, bể tự hoại, hố lắng tuần hoàn nước thải sản xuất, các máy móc thiết bị tại nhà xưởng. Sau khi tháo dỡ, tiến hành phủ đất mặt bóc tách để trồng cây Keo lá tràm.

- Toàn bộ phế thải tháo dỡ các công trình được vận chuyển về khu vực đáy mỏ để cải tạo mặt bằng (*phe thải được đổ ở lớp dưới cùng của khu vực đáy mỏ sau đó mới đến lớp đất đá thải và đất mặt bóc tách*).

- Đối với trạm biến áp: Giữ nguyên trạm biến áp phục vụ cung cấp điện cho khu vực xung quanh.

- Rãnh thoát nước mưa và hố lắng nước mưa được đào bằng đất, giữ nguyên để thu gom thoát nước mưa.

- Đối với bãi thải: Sử dụng đất đá thải để nâng cao mặt bằng đáy mỏ. Còn lại khoảng 2.632m³ lưu tại bãi thải giữ lại 04 hàng kê bãi thải còn lại để đảm bảo an toàn không gây sạt trượt. Cos bãi thải sau khi cải tạo +165m.

- Toàn bộ khu phụ trợ 0,3ha bổ sung đất mặt bóc phủ với bề dày 0,473m (*kèm với khối lượng đất lấp hố lắng tuần hoàn nước thải sản xuất 15m³*) tương đương tổng khối lượng đất phủ là 1.434,6m³. Sau đó được san gạt, đào hố kích thước 0,3x0,3x0,3m trồng cây Keo lá tràm trên toàn bộ diện tích với mật độ 6m²/cây (*tương đương khoảng 1.660 cây/ha*). Trồng và chăm sóc cây trong thời gian 3 năm.

c) Khu vực phụ trợ vùng đệm 2,2ha: Giữ nguyên hiện trạng (*do không thực hiện các hoạt động của cơ sở*).

d) Đo vẽ bản đồ sau khi kết thúc khai thác và chế biến tại khu vực mỏ: Diện tích 4,0ha.

Tổng hợp khối lượng các công tác cải tạo, phục hồi môi trường

TT	Hạng mục công việc	DVT	Khối lượng	Thời gian thực hiện
I	Cải tạo khai trường khai thác			
1	Làm biển báo BTCT, loại tam giác 0,7x0,7x0,7m	cái	4	Sau khi kết thúc
2	San gạt và trồng cây đáy moong			

TT	Hạng mục công việc	ĐVT	Khối lượng	Thời gian thực hiện
-	Bổ sung đất đá thải nâng cao mặt bằng đáy mỏ			khai thác
	Đào vận chuyển đất	100m ³	73,380	
	San gạt đất bóc phủ	100m ³	73,380	
-	Bổ sung đất mặt bóc phủ đáy mỏ			
	Đào vận chuyển đất	100m ³	12,230	
	San gạt đất bóc phủ	100m ³	12,230	
-	Chi phí trồng cây keo	ha	0,1223	
3	Trồng cỏ mặt tầng			
-	Vận chuyển và san gạt đất phủ bổ sung trên mặt tầng	m ³	441,3	
-	Gieo hạt cỏ trên mặt tầng	ha	0,4413	
-	Dự phòng phát sinh việc vận chuyển đất lên các mặt tầng (25% chi phí vận chuyển và san gạt)	%	25	
II	Cải tạo mặt bằng khu vực phụ trợ			
1	Phá dỡ Nhà điều hành			Sau khi kết thúc khai thác
-	Tháo dỡ tấm lợp mái, tường bằng tôn chiều cao $\leq 6m$	m ²	189	
-	Phá dỡ kết cấu bê tông bằng máy đào 1,25m ³ gắn đầu búa thủy lực	m ³	26,08	
-	Tháo dỡ cửa	m ²	2,7	
2	Phá dỡ kho xưởng, khu vệ sinh, kho chất thải nguy hại			
-	Tháo dỡ tấm lợp mái, tường tôn chiều cao $\leq 6m$	m ²	764	
-	Tháo dỡ các kết cấu thép, chiều cao $\leq 6m$	tấn	3,5	
-	Phá dỡ kết cấu bê tông bằng máy đào 1,25m ³ gắn đầu búa thủy lực	m ³	39,22	
3	Phá dỡ bể lắng tuần hoàn			
-	Phá dỡ kết cấu bê tông bằng máy đào 1,25m ³ gắn đầu búa thủy lực	m ³	9,48	
4	Phá dỡ bể tự hoại	m ³	6,94	
5	Tháo dỡ thiết bị tại mỏ	Công	15,0	
6	Vận chuyển thiết bị ra khỏi mỏ			
-	Vận chuyển thiết bị sắt thép bằng ô tô	Tấn	50,00	
7	San gạt và trồng cây khu phụ trợ			
-	Đào vận chuyển đất	100m ³	14,346	
-	San gạt đất bóc phủ	100m ³	14,346	
-	Chi phí trồng cây	ha	0,3000	
III	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình	100ha	0,0400	Sau khi kết thúc khai thác

3. Chi phí cải tạo, phục hồi môi trường và phương thức ký quỹ

- Tổng số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường: **543.719.000 đồng** (Năm trăm bốn mươi ba triệu, bảy trăm mười chín nghìn đồng), số tiền này chưa bao gồm yếu tố trượt giá.

- Công ty TNHH một thành viên Hữu Hảo Tây Bắc đã tiến hành ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường (theo đề án được phê duyệt tại Quyết định số 227/QĐ-UBND ngày 10/02/2014 của UBND tỉnh Sơn La) tại Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Sơn La với số tiền là **534.937.000** đồng (Bằng chữ: Năm trăm ba mươi bốn triệu, chín trăm ba mươi bảy nghìn) và **36.744.857** đồng (Yếu tố trượt giá tăng các năm).

- Tổng số tiền còn lại phải ký quỹ: **543.719.000 - 534.937.000 = 8.782.000** đồng (Bằng chữ: Tám triệu, bảy trăm tám mươi hai nghìn đồng).

- Số lần ký quỹ: 01 lần (Số tiền này chưa bao gồm yếu tố trượt giá. Khi đơn vị nhận ký quỹ là Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Sơn La làm thủ tục thu tiền ký quỹ hàng năm của đơn vị sẽ tính thêm phần yếu tố trượt giá theo quy định từng năm và đảm bảo theo quy định của pháp luật).

- Thời điểm ký quỹ: Việc ký quỹ thực hiện ngay sau khi được UBND tỉnh cấp Giấy phép môi trường.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Sơn La.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 227/QĐ-UBND ngày 10/02/2014 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và đề án cải tạo, phục hồi môi trường của dự án khai thác và chế biến đá phiến sét làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực Thác Vai bản Mòn, xã Tạ Bú, huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Một số nội dung thay đổi so với hồ sơ trên được nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các nội dung trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường để xem xét, giải quyết.

2. Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật về lĩnh vực đất đai, tài nguyên nước, môi trường, khoáng sản và các quy định của pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của cơ sở.

3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

trường. Định kỳ chuyển giao chất thải nêu trên cho đơn vị có chức năng xử lý.

4. Thường xuyên thực hiện các biện pháp giảm thiểu bụi tại khu vực khai thác, xưởng chế biến và các khu vực phát sinh bụi tại cơ sở; tăng cường trồng cây xanh trong khuôn viên cơ sở.

5. Sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu của nước thải đến môi trường.

6. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

7. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (*trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường*) hoặc đột xuất. Công khai giấy phép môi trường, thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

8. Cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

9. Tổ chức khai thác theo đúng toạ độ, diện tích, trữ lượng được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép.

10. Theo dõi, giám sát xói mòn, trượt lở đất đá, giám sát hệ thống thoát nước, giám sát an toàn công trình để có giải pháp xử lý kịp thời nhằm ngăn ngừa hiện tượng biến dạng bề mặt, dịch chuyển, sạt lở đất đá; khi phát hiện có dấu hiệu xảy ra sự cố phải dừng ngay các hoạt động khai thác, khẩn trương đưa người và thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời phối hợp với cơ quan có thẩm quyền để xử lý.

11. Tuân thủ các biện pháp an toàn trong phòng, chống sự cố cháy nổ, trượt lở, sụt lún, đá lún trong khu vực khai thác, khu vực bãi thải nhằm đảm bảo an toàn cho người và thiết bị và các hoạt động có rủi ro cao khác.

12. Chủ cơ sở chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND tỉnh và trước pháp luật về công tác an toàn về khai thác mỏ lộ thiên và công tác bảo vệ môi trường trong quá trình khai thác; tuân thủ nghiêm các quy định của UBND tỉnh Sơn La và các quy định pháp luật hiện hành của Nhà nước. Trường hợp quá trình khai thác gây hư hỏng hạ tầng kỹ thuật, ảnh hưởng đến cuộc sống của cộng đồng dân cư, Chủ dự án phải bồi thường theo đúng quy định.

13. Đảm bảo tính chính xác, trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu, các vấn đề về môi trường và kết quả tính toán trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của cơ sở. Chịu trách nhiệm trước pháp luật trong trường hợp gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước, vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường hoặc gây bức xúc trong nhân dân, tạo dư luận xã hội.

14. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.